

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi
con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Tấn P**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn T**

2. Ông **Nguyễn Văn N**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Hồ Quế T** – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên tòa:* Không tham gia

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng HKTT: số 122/7 ấp PT 1, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đặng Thị H** trình bày:

Năm 2008 chị H và anh T quen biết rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 3 đứa con, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T không lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình, thậm chí không chung thủy trong cuộc sống với chồng. Nhiều lần khắc phục không được nên mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, hai người sống ly thân từ 2020 cho đến nay.

Thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể tiếp tục nên chị Hận yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung: có 03 con chung tên **Nguyễn Ngọc H**, sinh

ngày 20/5/2009; Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/7/2018. Chị H yêu cầu nuôi cháu L, không yêu cầu cấp dưỡng. Giao hai cháu H và Q cho anh T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tuấn T không có bản khai cũng như không tham dự phiên hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có mặt, bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình về ly hôn, tài sản chung và nợ chung. Về con chung: chị H yêu cầu nuôi cháu H và cháu L, giao cháu Q cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi cháu Q.

- Bị đơn vắng mặt.

- Ý kiến cháu H là sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tuấn T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Tuấn T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị H và anh T quen biết rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP ngày 28/4/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 quyển số 01/2014 là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị H, Tòa án xét thấy: chị H và anh T chung sống với nhau đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T thường hay uống rượu, không chăm lo gia đình và không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng. Chị H đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không sửa đổi nên hai vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Anh T không có bản khai ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không tham dự phiên hòa giải. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ ý kiến của nguyên đơn, Tòa án chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/5/2009; Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 19/8/2010 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/7/2018. Chị H thay đổi yêu cầu là được nuôi cháu L và cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng. Giao cháu Q cho anh T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu nuôi con. **Mặc khác, hiện nay cháu H và cháu L đang sống chung với chị H. Để môi trường sống của cháu H và cháu L không bị xáo trộn và đảm bảo sự phát triển toàn diện cho cháu sau này. Hiện nay cháu H đang sống chung với nguyên đơn. Tại phiên tòa, ý kiến cháu H là muốn được sống cùng với mẹ nên việc giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu do đó giao cháu L và cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Q hiện nay sống chung với anh T và ý kiến cháu Q muốn sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn vì vậy giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.** Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Bị đơn không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung do đó không xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Hoàng L sinh ngày 21/7/2018 cho chị Đặng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tuấn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 19/8/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Đặng Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003513 ngày 10/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Báo đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADSHLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Tấn Phong